

**ĐỀ ÁN****Phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp  
hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025**

-----

Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 08/12/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh tỉnh thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 03/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ kết quả Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2025,

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Đề án Phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 – 2025 với nội dung như sau:

**I. THỰC TRẠNG HẠ TẦNG VÙNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA TẬP TRUNG****1. Kết quả đạt được**

Trong những năm qua hạ tầng sản xuất nông nghiệp đã được tỉnh quan tâm đầu tư, đặc biệt là một số vùng sản xuất tập trung như: Chè, lúa, cao su... Hiện nay, toàn tỉnh có 2.377,5 km đường giao thông nội đồng kết hợp với đường dân sinh; 982 công trình thủy lợi với tổng số 2.137 km kênh mương, đáp ứng tưới 86,8% diện tích gieo trồng.

Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã đầu tư 683,5 km đường giao thông nội đồng kết hợp với đường dân sinh, 505 km kênh mương thủy lợi (thủy lợi đầu tư bằng các nguồn vốn khác), tập trung ở vùng chè, vùng lúa. Trong đó, Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đã đầu tư mở mới được 52 km đường trục chính, 300,62 km đường nội đồng vùng chè, vùng lúa tập trung; tỷ lệ đường trục chính được đầu tư đạt 34,3%, đường nội đồng đạt 88,3% mục tiêu của Đề án; danh mục hạ tầng thủy lợi theo danh mục đề án chưa được đầu tư. Đến nay, đã hình thành được

vùng lúa tập trung 3.492 ha (*năm 2015 có 1.050 ha*) và trồng mới chè 4.300 ha (*giai đoạn 2010 - 2015 trồng mới 449 ha*), hình thành vùng chè tập trung 7.800 ha (*năm 2015 có 3.500ha*).

### **1.1. Hạ tầng vùng mắc ca**

Diện tích mắc ca toàn tỉnh năm 2020 hiện có 3.746,4 ha, trong đó: Huyện Mường Tè 469 ha, Nậm Nhùn 130 ha, Sìn Hồ 141 ha, Phong Thổ 177 ha, Than Uyên 1.050 ha, Tân Uyên 819 ha, Tam Đường 693 ha và thành phố Lai Châu 269 ha.

Vùng trồng mắc ca chủ yếu bám theo các tuyến đường sẵn có, hạ tầng giao thông nội đồng vùng mắc ca cơ bản chưa được đầu tư. Hiện nay có 73,3 km do doanh nghiệp tự đầu tư trong vùng dự án tại huyện Than Uyên, Tân Uyên, quy mô đường giao thông nông thôn cấp C, đường đất. Một số diện tích trồng xen chè, nhỏ lẻ của dân trồng chủ yếu bám các trục đường hiện có và vườn tạp trong khu dân cư. Vùng dự kiến trồng mới theo Đề án phát triển sản xuất hàng hóa tập trung khoảng trên 4.000 ha tại Than Uyên 665 ha, Tân Uyên 1.100 ha, Tam Đường 800 ha, Sìn Hồ 374 ha, Mường Tè 431 ha, Phong Thổ 600 ha, hiện chưa có đường giao thông nội đồng.

### **1.2. Hạ tầng vùng chè**

Diện tích chè toàn tỉnh đến nay đạt khoảng 7.800 ha, trong đó: Tại huyện Sìn Hồ 299 ha, Phong Thổ 414 ha, Than Uyên 1.347 ha, Tân Uyên 3.156 ha, Tam Đường 1.625 ha, thành phố Lai Châu 960 ha. Thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2016 - 2020, đã đầu tư mở mới 48 km đường trục chính và 267,83 km đường nhánh; còn 75,7 km đường trục chính và 32,17 km đường nhánh chưa được đầu tư xây dựng so với nhiệm vụ Đề án đã xác định.

Hiện nay, toàn tỉnh có 509,6 km đường giao thông nội đồng, bao gồm: Đường trục chính 162,6 km (*trong đó 124,4 km được kiên cố, 38,2 km chưa được kiên cố*); đường nhánh 347 km (*trong đó 145,8 km được kiên cố, 201,2 km chưa được kiên cố*).

Diện tích dự kiến trồng mới theo Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung đến năm 2025 là 2.400 ha tại các huyện Than Uyên 680 ha, Tân Uyên 420 ha, Tam Đường 400 ha, Phong Thổ 540 ha, Sìn Hồ 300 ha, thành phố Lai Châu 60 ha, chưa có đường giao thông.

Như vậy, với định mức 1km/10ha chè, hiện trạng đường giao thông nội đồng đã đáp ứng được khoảng 65% nhu cầu đối với diện tích chè hiện có và khoảng 51% đối với diện tích 10.000 ha chè đến năm 2025. Vì vậy, cần tiếp tục đầu tư hạ tầng cho vùng chè hiện có và đầu tư mới cho các vùng dự kiến trồng.

### **1.3. Hạ tầng vùng lúa**

Đến năm 2020, vùng lúa tập trung của tỉnh đạt 3.492 ha, theo Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, đến năm 2025 giữ ổn định và phát triển diện tích lúa hàng hóa 3.500 ha tại huyện Mường Tè 140 ha, Nậm Nhùn 100 ha, Sìn Hồ 200 ha, Phong Thổ 160 ha, Than Uyên 1.500 ha, Tân Uyên 500 ha, Tam Đường 600 ha, thành phố Lai Châu 300 ha. Thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2016 - 2020, đã đầu tư mở mới 4 km đường trục chính và 32,81 km đường nhánh; theo nhiệm vụ đề án, đường trục chính 23,9 km, đường nhánh 8 km và hạ tầng thủy lợi chưa được đầu tư.

Hiện có 248 km đường giao thông nội đồng, đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu đường giao nội đồng của vùng, trong đó: Đường trục chính 67,7 km (24,5km được kiên cố, 43,2km chưa được kiên cố); đường nhánh có 180,3 km (146,3 km được kiên cố, 34 km chưa được kiên cố).

Hiện có 198 công trình thủy lợi với 530,2 km kênh mương (trong đó có 439,8 km kênh kiên cố và 90,4 km kênh chưa được kiên cố). Hệ thống thủy lợi đã đáp ứng đủ nước tưới chủ động cho 1.732 ha, còn 1.768 ha chưa đủ nước tưới chủ động, còn thiếu nước cục bộ.

### **1.4. Hạ tầng vùng hoa, rau, củ quả**

Hiện nay, diện tích trồng hoa tập trung khoảng 102,65 ha tại huyện Tam Đường 27,65 ha và thành phố Lai Châu 75 ha. Theo Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, đến năm 2025 có khoảng 200 ha hoa, rau, củ quả tập trung tại các huyện Tam Đường 70 ha, Tân Uyên 50 ha và thành phố Lai Châu 80 ha, được chuyển đổi từ đất trồng lúa đã có hạ tầng giao thông, thủy lợi.

### **1.5. Hạ tầng vùng cây ăn quả**

Hiện toàn tỉnh có khoảng 5.200 ha cây ăn quả tập trung, bao gồm vùng chuối 3.900 ha, cây ăn quả ôn đới 960 ha, cây cam gân 300 ha. Theo Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung đến năm 2025, trồng mới khoảng 1.600 ha cây ăn quả tập trung, gồm cây chuối, chanh leo, cây ăn quả nhiệt đới (xoài, nhãn, mít...) tại huyện Tân Uyên 520 ha, Tam Đường 220 ha, Phong Thổ 250 ha, Sìn Hồ 300 ha, Mường Tè 210 ha, Nậm Nhùn 50 ha, Than Uyên 50 ha.

Tại các vùng trồng cây ăn quả tập trung của tỉnh có 112,8 km đường giao thông nội đồng, bao gồm: 3 km đường trục chính là đường đất; 109,8 km đường nhánh, trong đó có 2,4 km được kiên cố và 107,4 km chưa được kiên cố. Đối với những vùng cây ăn quả đã hình thành, đường giao thông phục vụ sản xuất chủ yếu bám theo các trục đường giao thông hiện có và đường mòn sản xuất; diện tích cây chuối do dân tự trồng nên phân bố rải rác. Đối với vùng định hướng phát triển trồng mới chưa có đường giao thông.

### **1.6. Hạ tầng vùng quê**

Vùng quê hiện có 7.590 ha tại các huyện Tân Uyên 3.082 ha, Sìn Hồ 1.856 ha, Than Uyên 811 ha, Phong Thổ 327 ha, Mường Tè 950 ha, Nậm Nhùn 561 ha, Tam Đường 4 ha. Theo Đề án phát triển rừng bền vững đến năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 12.000 ha (*cả diện tích trồng mới và diện tích đã trồng*), gồm: huyện Than Uyên 1.300 ha, Tân Uyên 3.400 ha, Phong Thổ 500 ha, Sìn Hồ 3.300 ha, Nậm Nhùn 1.100 ha, Mường Tè 2.400 ha.

Hạ tầng giao thông chủ yếu bám theo đường tỉnh lộ, đường liên huyện, xã, đường giao thông liên bản, đường mòn dân sinh với tổng chiều dài khoảng 750,24 km, trong đó: Đường tỉnh lộ: 111,38 km (huyện Than Uyên 36,35 km; Tân Uyên 37,97 km; Mường Tè 37,06 km); đường liên huyện, xã: 297,96 km (huyện Than Uyên 19,75 km; Tân Uyên 37,35 km; Sìn Hồ 45,31 km; Nậm Nhùn 77,78 km; Mường Tè 117,77 km); đường giao thông liên bản, đường dân sinh: 340,9 km. Hệ thống đường trục chính, đường nhánh, đường kết nối từ các đường giao thông liên huyện, liên xã đến vùng sản xuất hầu hết chưa được đầu tư. Vùng phát triển mới đến năm 2025 chưa có đường giao thông.

### **1.7. Hạ tầng vùng cây gỗ lớn**

Theo Đề án phát triển rừng bền vững đến năm 2025, trồng mới 8.500ha cây gỗ lớn tại các huyện Than Uyên 2.000ha, Tân Uyên 2.000ha, Tam Đường 800ha, Sìn Hồ 2.500ha, Nậm Nhùn 200ha, Mường Tè 1.000ha.

Vùng định hướng trồng cây gỗ lớn chưa có đường sản xuất, nhiều vùng chưa có đường giao thông kết nối với đường giao thông hiện có.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Hạ tầng thiết yếu một số vùng sản xuất còn thiếu đồng bộ; nhiều vùng chưa có đường giao thông, chưa được kiên cố hóa, chưa kết nối với các đường giao thông chính dẫn đến chưa khai thác hiệu quả về đất đai, diện tích đất chưa sử dụng lớn, đưa cơ giới hóa vào sản xuất gặp nhiều khó khăn.

- Việc khuyến khích, thu hút doanh nghiệp nghiên cứu khảo sát, đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế; sự tham gia, đóng góp của nhân dân chưa nhiều; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để đầu tư sản xuất nông nghiệp nói chung và hạ tầng nông nghiệp nói riêng có nơi còn vướng mắc, khó khăn.

- Công tác quản lý, vận hành, sử dụng công trình sau đầu tư còn hạn chế. Nhiều công trình bị xuống cấp, hư hỏng không được sửa chữa, khắc phục kịp thời, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư công trình và sản xuất của người dân.

## **2.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

- Địa hình của tỉnh chia cắt phức tạp, độ dốc lớn, việc đầu tư xây dựng hạ tầng gặp nhiều khó khăn; thiên tai, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất...thường xuyên xảy ra.

- Nhu cầu vốn cho phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp nói riêng rất lớn trong khi nguồn lực của tỉnh còn hạn hẹp, chủ yếu nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

- Các doanh nghiệp, HTX sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn ít, đa số là doanh nghiệp nhỏ; thu nhập của người dân còn thấp khó khăn cho việc huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng các vùng sản xuất.

- Cấp ủy, chính quyền một số nơi thiếu quyết liệt trong chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp; việc phát huy vai trò của cộng đồng dân cư và người dân trong quản lý và sử dụng các công trình hạ tầng được đầu tư còn hạn chế.

## **3. Đánh giá chung**

Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, huy động và tập trung các nguồn lực ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất tập trung; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm và huy động nhân dân tích cực tham gia đóng góp xây dựng hạ tầng với phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*"; giai đoạn 2016-2020, nhân dân đã góp đất, đóng góp ngày công, vật liệu với tổng giá trị 13,3 tỷ đồng đạt 61,55% so với Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2016-2020 đã đề ra; thu hút doanh nghiệp, HTX tham gia chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, liên kết với người dân sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hình thành vùng nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến. Qua đó đã hình thành và mở rộng các vùng sản xuất tập trung gắn với đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, áp dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa trong nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực quy mô lớn như: Vùng lúa, vùng chè, vùng cao su... Đã có 5.378 ha/7.802 ha chè được ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp, HTX với người trồng chè; liên kết sản xuất, thu mua lúa Sóng cù, Tẻ râu, các giống lúa nếp địa phương...; nhiều sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP như: Gạo tẻ râu Phong Thổ, Sóng cù Than Uyên, Nếp Tan Pôm, gạo Dâu Lai

Châu, Trà Sencha, Ôlong, Đông phương mỹ nhân, matcha, kim tuyến... Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhiệm kỳ 2020-2025, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 03/02/2021 về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/02/2021 về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Việc phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp được xác định là giải pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu của hai nghị quyết. Mặt khác, tổng kết triển khai thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2016 - 2020 cho thấy việc xây dựng một Đề án mang tính tổng thể, toàn diện cho phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 là rất cần thiết, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tạo động lực phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Quan điểm**

(1) Phát triển hạ tầng thiết yếu là điều kiện tiên quyết để thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, cộng đồng dân cư đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(2) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp, đảm bảo tương đối đồng bộ, tạo kết nối, liên thông với hạ tầng kinh tế - xã hội khác để phát huy hiệu quả đầu tư. Việc đầu tư phát triển hạ tầng phải đồng thời với đẩy mạnh thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư hạ tầng sản xuất. Nơi nào có khả năng thu hút đầu tư cao sẽ đầu tư hạ tầng trước để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện Dự án nông nghiệp. Tập trung ưu tiên đầu tư đường giao thông trục chính, đường nhánh kết nối vùng tập trung và hạ tầng thủy lợi vùng lúa. Đối với giao thông đường nhánh, nội đồng và hạ tầng khác, các huyện, thành phố chủ động xây dựng đề án, lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư hạ tầng thiết yếu đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

(3) Tập trung triển khai thực hiện Đề án với sự vào cuộc của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy, sự điều hành chủ động, hiệu quả của chính quyền các cấp và có sự phối

hợp đồng bộ, chặt chẽ của các cơ quan chuyên môn, các địa phương; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư và hộ nông dân trong triển khai thực hiện theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Ưu tiên và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, huy động đầu tư từ doanh nghiệp, khuyến khích sự tham gia đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư hệ thống hạ tầng thiết yếu nhằm hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn; góp phần đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thu hút doanh nghiệp đầu tư, liên kết với nông dân tạo ra sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có thương hiệu; phát triển nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nhân dân, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- *Về giao thông nội đồng*: Mở mới đường trục chính 9,5 km vùng lúa, 24,5 km vùng chè, hoàn thành cơ bản việc đầu tư nâng cấp và mở mới hệ thống đường giao thông trục chính vùng lúa, vùng chè. Mở mới 45 km đường nhánh vùng chè. Nâng cấp hạ tầng đã đầu tư trong giai đoạn trước, tiếp tục đầu tư và hỗ trợ sau đầu tư hạ tầng đạt tỷ lệ khoảng 80% nhu cầu vùng lúa và 70 % nhu cầu vùng chè; đầu tư hệ thống đường thông nội đồng trục chính các vùng dự án trồng cây ăn quả, mắc ca, quế, cây lâm nghiệp, gồm mở mới 50,5 km đường trục chính vùng cây ăn quả và vùng sản xuất tập trung theo liên kết, 80 km vùng mắc ca, 80 km vùng trồng quế và 70 km vùng trồng cây gỗ lớn cơ bản đáp ứng được nhu cầu hạ tầng theo quy hoạch các vùng sản xuất tập trung.

- *Về thủy lợi*: Đầu tư kiên cố hóa đập đầu mối và kênh mương, đáp ứng 100% nhu cầu nước tưới chủ động cho 3.500 ha lúa tập trung.

## **3. Nhiệm vụ**

### **3.1. Vùng Mắc ca**

Thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để trồng vùng nguyên liệu mắc ca. Nhà nước hỗ trợ theo chính sách hiện hành, doanh nghiệp tự đầu tư hạ tầng vùng sản xuất; đến năm 2025 trồng mới khoảng 4.000ha, đầu tư 80 km theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất. Cụ thể:

- Huyện Than Uyên đầu tư mới 13 km đáp ứng cho vùng sản xuất 665 ha.
- Huyện Tân Uyên đầu tư mới 22 km đáp ứng cho vùng sản xuất 1.100 ha.

- Huyện Tam Đường đầu tư mới 16 km đáp ứng vùng sản xuất 800 ha.
- Huyện Phong Thổ đầu tư mới 13 km đáp ứng vùng sản xuất 630 ha.
- Huyện Sìn Hồ đầu tư mới 7,5 km đáp ứng vùng sản xuất 374 ha.
- Huyện Mường Tè đầu tư mới 8,5 km đáp ứng vùng sản xuất 431 ha.

*(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)*

### **3.2. Vùng chè**

Nâng cấp 87 km đường trục chính, đường nhánh theo tiêu chuẩn tối thiểu giao thông nông thôn cấp C vùng chè hiện có; đầu tư mở mới 69,5 km đường trục chính, đường nhánh theo tiêu chuẩn giao thông nông thôn cấp C vùng trồng mới. Nhà nước đầu tư công trình mở mới, vận động nhân dân tham gia góp đất, công lao động đối với công trình nâng cấp, sửa chữa; đầu tư và hỗ trợ nâng cấp đạt tỷ lệ khoảng 70% hệ thống giao thông vùng sản xuất. Cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Mở mới 27 km vùng sản xuất khoảng 630 ha.
- Huyện Tân Uyên: Nâng cấp 34,5 km vùng sản xuất khoảng 950 ha.
- Huyện Tam Đường: Nâng cấp 38 km, mở mới 2,5km cho vùng sản xuất khoảng 950 ha.
- Thành phố Lai Châu: Nâng cấp 13 km cho vùng sản xuất khoảng 200ha.
- Huyện Phong Thổ: Nâng cấp 1,5 km, mở mới 40 km cho vùng sản xuất khoảng 680 ha.

*(Chi tiết có biểu 04 kèm theo)*

### **3.3. Vùng sản xuất lúa hàng hóa**

Nâng cấp 12,0 km và mở mới 9,5 km đường trục chính theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C; đầu tư mới 02 đập đầu mối, 3,7 km kênh mương; kiên cố hóa 16 đầu mối và 48,8 km kênh mương đất nhằm ổn định nguồn nước tưới cho vùng sản xuất. Nhà nước đầu tư những công trình mở mới, kiên cố, nâng cấp các đập đầu mối, vận động nhân dân tham gia góp đất, công lao động đối với các công trình nâng cấp, sửa chữa. Đầu tư và hỗ trợ nâng cấp hạ tầng giao thông đạt tỷ lệ khoảng 80%, hạ tầng thủy lợi đáp ứng 100% nhu cầu sản xuất. Cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Nâng cấp 12,0 km đường trục chính cho vùng sản xuất khoảng 370ha; xây mới 02 đập đầu mối, 3,0 km kênh; kiên cố, nâng cấp 02 đập đầu mối, 20,0 km kênh, đáp ứng nước tưới chủ động cho vùng sản xuất 734 ha.



- Huyện Tân Uyên: Đầu tư mới 4,0 km đường giao thông trực chính cho vùng sản xuất khoảng 50 ha; kiên cố, nâng cấp 01 đập đầu mối, kiên cố hóa 6,8 km kênh, đáp ứng nước tưới chủ động cho vùng sản xuất 277 ha.

- Huyện Tam Đường: Kiên cố, nâng cấp 03 đập đầu mối và kiên cố hóa 6,6 km kênh, đáp ứng nước tưới chủ động cho vùng sản xuất 301 ha.

- Thành phố Lai Châu: Kiên cố, nâng cấp 04 đập đầu mối và kiên cố hóa 5,1 km kênh, đáp ứng nước tưới chủ động cho vùng sản xuất 94 ha.

- Huyện Phong Thổ: Đầu tư mới 5,5 km đường giao thông trực chính cho vùng sản xuất khoảng 100 ha; kiên cố, nâng cấp 02 đập đầu mối và kiên cố hóa 1,8 km kênh, đáp ứng nước tưới chủ động cho vùng sản xuất 22 ha.

- Huyện Sìn Hồ: Xây mới 0,7 km kênh; kiên cố, nâng cấp 01 đập đầu mối và kiên cố hóa 1,9 km kênh, đáp ứng nước tưới chủ động cho vùng sản xuất 147 ha.

- Huyện Nậm Nhùn: Kiên cố, nâng cấp 01 đập đầu mối và kiên cố hóa 2,0 km kênh, đáp ứng nước tưới chủ động cho vùng sản xuất 75 ha.

- Huyện Mường Tè: Kiên cố, nâng cấp 02 đập đầu mối và kiên cố hóa 4,6 km kênh, đáp ứng nước tưới chủ động cho vùng sản xuất 82 ha.

*(Chi tiết có biểu 05 kèm theo)*

### **3.4. Vùng cây ăn quả và hạ tầng vùng sản xuất tập trung theo liên kết**

Nhà nước đầu tư hạ tầng giao thông trực chính đến vùng cây ăn quả, hạ tầng những nơi có đủ điều kiện diện tích tập trung, đảm bảo hiệu quả đầu tư. Đầu tư mở mới theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C với tổng 50,5 km. Cụ thể:

#### *a. Hạ tầng vùng cây ăn quả*

- Huyện Tân Uyên: Đầu tư mới 13,0 km đường vùng sản xuất 205 ha.

- Huyện Tam Đường: Đầu tư mới 1,5 km đường vùng sản xuất 60 ha.

- Huyện Phong Thổ: Đầu tư mới 14,0 km đường vùng sản xuất 230 ha.

- Huyện Sìn Hồ: Đầu tư mới 6,0 km đường vùng sản xuất 300 ha.

- Huyện Nậm Nhùn: Đầu tư mới 5,0 km đường vùng sản xuất 150 ha.

*b. Hạ tầng vùng sản xuất tập trung theo liên kết:* Đầu tư mở mới 11 km cho vùng sản xuất khoảng 500 ha tại huyện Phong Thổ.

*(Chi tiết có biểu 06 kèm theo)*

### **3.5. Vùng quế**

Đầu tư hạ tầng đường giao thông vùng quế đã có và trồng mới do nhân dân trồng; hỗ trợ đầu tư hạ tầng vùng quế trồng mới do doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư hoặc liên kết với người dân đầu tư, với mức hỗ trợ không quá 2km/100ha, 750 triệu đồng/km.

Đầu tư xây dựng mới 80 km đường giao thông trục chính theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C (24 km cho vùng quế đã trồng; 56 km vùng quế trồng mới). Trong đó đầu tư 30 km (cho khoảng 9.000 ha), hỗ trợ đầu tư 50 km (cho khoảng 3.000ha), đạt được tỷ lệ khoảng 35% nhu cầu hạ tầng vùng sản xuất, cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Đầu tư mới 10,5 km đường giao thông trục chính cho vùng sản xuất 1.511 ha. Trong đó đầu tư 3,5 km (cho 1.061ha), hỗ trợ đầu tư 7 km (cho 450 ha).

- Huyện Tân Uyên: Đầu tư mới 10,5 km đường giao thông trục chính cho vùng sản xuất 3.482 ha.

- Huyện Phong Thổ: Đầu tư mới 7 km đường giao thông trục chính cho vùng sản xuất 827 ha. Trong đó đầu tư 2 km (cho 527ha), hỗ trợ đầu tư 5 km (cho 300ha).

- Huyện Sìn Hồ: Đầu tư mới 20 km đường giao thông trục chính cho vùng sản xuất 3.056 ha. Trong đó đầu tư 7 km (cho 2.306 ha), hỗ trợ đầu tư 13 km (cho 750ha).

- Huyện Nậm Nhùn: Đầu tư mới 9 km đường giao thông trục chính cho vùng sản xuất 1.261 ha. Trong đó đầu tư 3 km (cho 861ha), hỗ trợ đầu tư 6 km (cho 400 ha).

- Huyện Mường Tè: Đầu tư mới 23 km đường giao thông trục chính cho vùng sản xuất 2.450 ha. Trong đó đầu tư 4 km (cho 1.350ha), hỗ trợ đầu tư 19 km (cho 1.100ha).

*(Chi tiết có biểu 07 kèm theo)*

### **3.6. Vùng trồng cây gỗ lớn**

Nhà nước đầu tư hạ tầng đường giao thông vùng cây gỗ lớn do nhân dân trồng, hỗ trợ đầu tư hạ tầng vùng cây gỗ lớn trồng mới do doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư hoặc liên kết với người dân đầu tư, với mức hỗ trợ không quá 2km/100ha, 750 triệu đồng/km.

Đầu tư xây dựng mới 70 km đường giao thông trực chính theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C, đáp ứng vùng sản xuất 8.500 ha. Trong đó, đầu tư 9 km (cho 3.000ha), hỗ trợ đầu tư 61 km (cho 5.500ha), đầu tư và hỗ trợ đầu tư sẽ đạt được tỷ lệ khoảng 45% nhu cầu hạ tầng vùng sản xuất. Cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Đầu tư mới 17,0 km đường giao thông trực chính cho vùng sản xuất 2.000 ha. Trong đó đầu tư 1,5 km (cho 600ha), hỗ trợ đầu tư 15,5 km (cho 1.400ha).

- Huyện Tân Uyên: Đầu tư mới 17,0 km đường giao thông trực chính cho vùng sản xuất 2.000ha. Trong đó đầu tư 1,5 km (cho 600ha), hỗ trợ đầu tư 15,5 km (cho 1.400ha).

- Huyện Tam Đường: Đầu tư mới 4,5 km đường giao thông trực chính cho vùng sản xuất 800 ha. Trong đó đầu tư 1,5 km (cho 500 ha), hỗ trợ đầu tư 3,0 km (cho 300ha).

- Huyện Sìn Hồ: Đầu tư mới 20,5 km đường giao thông trực chính cho vùng sản xuất 2.500ha. Trong đó đầu tư 2,5 km (cho 900ha), hỗ trợ đầu tư 18 km (cho 1.600ha).

- Huyện Nậm Nhùn: Đầu tư mới 1,0 km đường giao thông trực chính cho vùng sản xuất 200 ha.

- Huyện Mường Tè: Đầu tư mới 10 km đường giao thông trực chính cho vùng sản xuất 1.000 ha. Trong đó đầu tư 1,0 km (cho 200ha), hỗ trợ đầu tư 9 km (cho 800ha).

*(Chi tiết có biểu 08 kèm theo)*

## **4. Giải pháp**

***4.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong triển khai thực hiện.***

Tăng cường công tác lãnh đạo của cấp ủy, nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, nhất là cấp huyện, cấp xã trong triển khai thực hiện Đề án. Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt vai trò quan trọng và các nội dung của Đề án gắn với mục tiêu, nhiệm vụ của các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về phát triển rừng bền vững và phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh, tạo sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện.

Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia triển khai thực hiện

Đề án bằng hình thức phù hợp, tự nguyện hiến đất, đóng góp ngày công lao động, vật liệu và phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục hạn chế, sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách có liên quan phù hợp với tình hình thực tiễn để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án.

#### ***4.2. Huy động và tập trung nguồn lực thực hiện Đề án, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn***

Tập trung huy động nguồn lực trong và ngoài nước, từ nhiều thành phần kinh tế như: Ưu tiên bố trí đủ vốn ngân sách tỉnh cho Đề án, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu của Chính phủ, chương trình xây dựng Nông thôn mới, vốn ODA...; vận động nhân dân góp đất, góp công, vật liệu, vật tư sẵn có tại địa phương...; vốn đầu tư từ doanh nghiệp. Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải để phát huy hiệu quả các nguồn vốn đầu tư gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng dân cư, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng đúng mục đích.

Sắp xếp đầu tư theo thứ tự ưu tiên: Vùng đã hình thành; vùng nhân dân đầu tư; vùng đã có dự án đầu tư của doanh nghiệp; vùng có doanh nghiệp quan tâm nghiên cứu lập dự án. Đảm bảo việc đầu tư phải trực tiếp phục vụ hình thành vùng sản xuất tập trung. Khi lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng phải đánh giá kỹ, cụ thể hiệu quả tác động đến việc hình thành vùng sản xuất.

Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, nhân dân hiến đất, góp công lao động thực hiện nâng cấp đường giao thông nội đồng vùng lúa, vùng chè, kiên cố hóa kênh mương. Khuyến khích nhân dân hiến đất, góp công lao động để xây dựng hạ tầng khi tham gia góp đất với doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ để hình thành các vùng sản xuất khác; doanh nghiệp được mở đường giao thông trong diện tích đã được giao, thuê đất trong phạm vi dự án.

#### ***4.3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình sau đầu tư***

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng đảm bảo chất lượng, hiệu quả công trình hạ tầng thiết yếu. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức và trách nhiệm của cộng đồng và người dân trong việc sử dụng, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình giao thông nội đồng. Đẩy mạnh việc thành lập tổ quản lý thủy lợi cơ sở; thực hiện sớm quy định về đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ công ích quản lý công trình thủy

lợi. Các công trình thủy lợi từng bước được giao cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác.

Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu bằng các nguồn lực của địa phương và huy động nhân dân tham gia đóng góp ngày công lao động, vật liệu,... hoặc các tổ chức đoàn thể của địa phương tham gia duy tu, bảo dưỡng công trình. Đối với các tuyến đường giao thông nội đồng, giao cho các thôn bản tổ chức quản lý duy tu, bảo dưỡng. Căn cứ vào tiêu chuẩn, chất lượng của từng tuyến đường, chính quyền địa phương tổ chức cấm biển hạn chế tải trọng để đảm bảo an toàn cho công trình.

## **5. Vốn, nguồn vốn**

### **5.1. Tổng vốn đầu tư: 821.793 triệu đồng, trong đó:**

- Hạ tầng vùng cây mắc ca: 60.000 triệu đồng.
- Hạ tầng vùng chè: 311.831 triệu đồng.
- Hạ tầng vùng lúa: 139.187 triệu đồng.
- Hạ tầng vùng cây ăn quả, vùng sản xuất tập trung theo liên kết: 78.275 triệu đồng.
- Hạ tầng vùng cây quế: 124.000 triệu đồng
- Hạ tầng vùng cây gỗ lớn: 108.500 triệu đồng.

*(Chi tiết có biểu 09 kèm theo)*

### **5.2. Nguồn vốn**

- Vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 441.963 triệu đồng, gồm:

+ Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: 298.263 triệu đồng.

+ Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: 143.700 triệu đồng.

- Vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản thực hiện dự án “Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai”: 228.766 triệu đồng.

- Nguồn xã hội hóa: Khoảng 151.064 triệu đồng. Trong đó:

+ Doanh nghiệp đầu tư khoảng: 148.800 triệu đồng.

+ Nhân dân đóng góp khoảng: 2.264 triệu đồng.

- Nguồn vốn hợp pháp khác (khi có khả năng bố trí, huy động).

### **5.3. Phân kỳ đầu tư**

Phân kỳ nguồn ngân sách và vốn vay ODA:

- + Năm 2022: 109.807 triệu đồng.
  - + Năm 2023: 279.498 triệu đồng.
  - + Năm 2024: 219.396 triệu đồng.
  - + Năm 2025: 62.028 triệu đồng.
- Nguồn vốn xã hội hóa: 151.064 triệu đồng.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết Đề án, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

**1.** Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn lãnh đạo, chỉ đạo học tập, quán triệt, tuyên truyền; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sát với thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

**2.** Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để tổ chức thực hiện. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện để phát huy hiệu quả của Đề án. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

**3.** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, hướng dẫn tuyên truyền, học tập, quán triệt nội dung Đề án đến các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

**4.** Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án bằng hình thức phù hợp, góp phần tạo sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Các ban đảng Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN CHẤP HÀNH  
PHÓ BÍ THƯ**

**Lê Văn Lương**